

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VỊ THỦY  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30/6/2020

Về việc: Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Quách Thị Mỹ Trúc.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Đông Hà
2. Bà Nguyễn Thị Tua

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Phương Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy tham gia phiên tòa:**  
Ông Trương Văn Phụng – Kiểm sát viên.

Ngày 30/6/2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2020/TLST-HNGĐ ngày 18/12/2019 về việc Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/5/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11/6/2020 giữa các đương sự :

*1. Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Cẩm D, sinh năm 1996.

Địa chỉ: ấp 6, xã V, huyện T, tỉnh Hậu Giang.

*2. Bị đơn:* Anh Trần Văn M, sinh năm 1992.

Địa chỉ: ấp 5, xã V, huyện T, tỉnh Hậu Giang.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 12 năm 2019 nguyên đơn chị Lê Thị Cẩm D trình bày: Chị và anh Trần Văn M kết hôn năm 2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vị Đông. Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cuộc sống không còn

hạnh phúc. Anh chị đã ly thân từ năm 2018 đến nay, nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn M.

Về con chung: Chị Lê Thị Cẩm D và anh Trần Văn M có 01 người con tên là Trần Long N, sinh ngày 02/7/2014. Hiện do chị D đang nuôi dưỡng.

Về tài sản: Anh chị không có tài sản chung và nợ chung.

Đối với bị đơn anh Trần Văn M: Trong quá trình giải quyết vụ án anh Trần Văn M đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và không thể hiện ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Theo nội dung xác minh do chính quyền địa phương cung cấp thì giữa chị Lê Thị Cẩm D và anh Trần Văn M có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn do không hợp tính tình và bất đồng quan điểm. Hiện tại chị D và anh M đã ly thân với nhau, con chung do chị D nuôi dưỡng. Về tài sản chung thì địa phương không nắm được.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Cẩm D đã nộp cho Tòa án Giấy chứng nhận kết hôn; Bản sao giấy chứng minh nhân dân, bản sao sổ hộ khẩu, bản sao giấy khai sinh con chung, đơn xin xác nhận. Bị đơn anh Trần Văn M không nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ nào. Tòa án đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Lê Thị Cẩm D và anh Trần Văn M.

Tại phiên tòa chị D giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh M. Về con chung chị D yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết. Anh Trần Văn M vắng mặt tại phiên tòa và không thể hiện ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu về việc thụ lý và giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Dương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với anh Trần Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do vậy, Hội

đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Văn M theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Cẩm D và anh Trần Văn M tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên hôn nhân không hạnh phúc và anh chị đã ly thân từ năm 2018 đến nay, nay chị Lê Thị Cẩm D yêu cầu được ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã mở phiên hòa giải tạo điều kiện để anh chị đoàn tụ, tuy nhiên dù được triệu tập hợp lệ nhưng anh Trần Văn M vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn. Từ đó chứng tỏ anh chị đã không muốn duy trì hôn nhân và đoàn tụ với nhau, mâu thuẫn giữa anh chị đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho chị Lê Thị Cẩm D được ly hôn với anh Trần Văn M.

Do hôn nhân của chị D và anh M được xác lập vào năm 2014 nên Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 131 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 và các Điều 11, 89 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 để giải quyết.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị Cẩm D có yêu cầu được nuôi con chung là Trần Long N. Xét thấy từ khi chị D và anh M ly thân đến nay cháu N sống cùng chị D, anh M cũng không có yêu cầu gì về con chung. Cháu N sống cùng chị D cuộc sống đã ổn định nên cần tránh sự xáo trộn về cuộc sống và tránh ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của cháu. Do đó Hội đồng xét xử giao cháu N cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh Trần Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[4]. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do chị Lê Thị Cẩm D không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Khi có yêu cầu chị Lê Thị Cẩm D có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[5] Về tài sản chung và nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Dương sự còn phải chịu án phí và được kháng cáo theo luật định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 5, 6, khoản 1 Điều 28, 35, 39, 91, khoản 3 Điều 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 11, 89 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Các Điều 81, 82, 83, 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Cẩm D, cho chị Lê Thị Cẩm D được ly hôn với anh Trần Văn M.

- Về con chung: Giao con chung tên Trần Long N, sinh ngày 02/7/2014 cho chị Lê Thị Cẩm D tiếp tục nuôi dưỡng, anh Trần Văn M chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: Không có nên không xem xét.

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nguyên đơn chị Lê Thị Cẩm D phải nộp số tiền là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*), được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã đóng theo Biên lai thu tiền số 0000853, ngày 18/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy thành án phí, chị D không phải nộp thêm.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại địa phương nơi cư trú.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THADS huyện Vị Thủy;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- UBND xã Vị Đông;
- Công TTĐT Tòa án nhân dân;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Quách Thị Mỹ Trúc**